TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày 06/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Chương.

2. Ông Nông Trung Kiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2026/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2026. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

01. Quàng Văn L; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác - Sinh năm: 1997.

Nơi sinh: Tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản K, xã M P, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Khơ Mú; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn Xôm và bà Quàng Thị Hương.

Vợ: Mòng Thị Thởi – Sinh năm: 1993 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị Tòa án xét xử, chưa bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giữ từ ngày 08/10/2025, tạm giam từ ngày 17/10/2025 đến nay, bị cáo có mặt.

02. Quàng Văn T; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác- Sinh năm: 1993.

Nơi sinh: Tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản K, xã M P, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Khơ Mú; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn Say và bà Lò Thị Chơ.

Vợ: Lò Thị Đại – Sinh năm: 1999 đã ly hôn và có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị Tòa án xét xử, chưa bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giữ từ ngày 08/10/2025, tạm giam từ ngày 17/10/2025 đến nay bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Mòng Thị Thởi – Sinh năm 1993 - Có mặt.

Nơi cư trú: Bản K, xã M P, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08/10/2025, Quàng Văn T và Quàng Văn L sau khi ăn đám cưới tại bản K, xã M P, tỉnh Điện Biên, L rủ T xuống phường Điện Biên Phủ để cắt tóc cho T và tìm mua ma túy để cùng nhau sử dụng, T đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1- 758.80 chở T đến khu vực phường Điện Biên Phủ thì T bảo chưa đi cắt tóc. T và L thống nhất với nhau là L góp 50.000 đồng, T góp 500.000 đồng để mua Heroine và Methamphetamine sử dụng. Sau đó, L chở T đi đến khu vực đường dân sinh thuộc tổ dân phố 06, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên thì gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) đang đứng ở đường. L dừng xe lại và hỏi mua 550.000 đồng Heroine và Methamphetamine của người đàn ông. Người đàn ông đồng ý, L đưa 50.000 đồng, T đưa 500.000 đồng cho người đàn ông. Người đàn ông nhận tiền, bảo L và T chờ rồi đi khoảng 25 phút thì quay lại đưa cho L 01 gói bên trong có Methamphetamine và Heroine. L cầm gói ma tuý và nói với T "Đúng đồ đấy". Hồi 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi L và T đang ngồi hút thuốc lá ở khu vực đường dân sinh thuộc tổ dân phố 06, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên thì tổ công tác Công an phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên yêu cầu kiểm tra. L đã tự giác giao nộp trong lòng bàn tay phải của L cho tổ công tác 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có 01 gói giấy bạc màu trắng chứa 0,39 gam Methamphetamine và 01 gói giấy bạc màu trắng chứa 0,41 gam Heroine, tổng khối lượng 02 chất ma tuý là 0,8 gam. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ: 0,39 gam Methamphetamine và 0,41 gam Heroine đã gửi giám định T bộ, sau giám định hoàn lại 0,35 gam Methamphetamine và 0,37 gam Heroine; 03 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 758.80, kèm 01 chìa khóa xe, là tài sản của Quàng Văn L và chị Mòng Thị Thởi

Tại kết luận giám định số: 1015/KL-KTHS ngày 15/10/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Vật chứng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,39 gam là chất ma tuý: Loại Methamphetamine; ký hiệu M2 có khối lượng 0,41 gam là chất ma tuý: Loại Heroine.

Hoàn lại đối tượng giám định có biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Các bị cáo khai số ma túy bị thu giữ các bị cáo mua được của 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

Ngày 08/10/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các bị cáo L và T, kết quả xét nghiệm các bị cáo đều âm tính với chất ma túy trong cơ thể.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKSKV2, ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã truy tố các bị cáo Quàng Văn L và Quàng Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo L và T cả về tội danh và điều luật áp dụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Quàng Văn L từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 8 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 8 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 0,35 gam Methamphetamine và 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định; 03 mảnh giấy bạc màu trắng là vật Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán, sử dụng và vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80, kèm 01 chìa khóa xe, xe cũ đã qua sử dụng, bị cáo L dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Luyên và chị Mòng Thị Thởi nên cần:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80.

Trả lại cho chị Mòng Thị Thởi 1/2 giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80.

Đối với 01 chiếc chìa khóa xe cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Mòng Thị Thởi trong quá điều tra cũng như tại phiên tòa trình bày, bị cáo L và chị là vợ chồng, bị cáo L sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội chị không biết, chiếc xe là của vợ chồng chị mua làm phương tiện đi lại, nhưng đăng ký mang tên bị cáo L. Chị có nguyện vọng xin lại chiếc xe đó. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không có ý kiến gì thay đổi bổ sung, lời nói sau cùng của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo Quàng Văn L và Quàng Văn T đều khai nhận T bộ hành vi của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Quá trình xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các bị cáo thì các bị cáo đều âm tính với chất ma túy trong cơ thể. Tuy nhiên vào hồi 14 giờ 20 phút, ngày 08/10/2025, tại khu vực đường dân sinh thuộc tổ dân phố 06, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên, tổ công tác Công an phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang Quàng Văn L và Quàng Văn T có hành vi cất giấu, tàng trữ trái phép 0,41 gam Heroine và 0,39 gam Methamphetamine mục đích để cùng nhau sử dụng.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn T phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

*"***Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy**

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

… i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này."

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Khi phạm tội các bị cáo đều nhận thức được tác hại mà ma túy gây ra cho sức khỏe của con người trong đó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các bị cáo và ảnh hưởng xấu đến gia đình và xã hội và là hành vi vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm. Nhưng các bị cáo vẫn bất chấp tất cả, coi thường kỷ cương phép nước, cố tình thực hiện hành vi phạm tội, cố tình cất giấu tàng trữ hai chất ma túy để cùng nhau sử dụng. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an T xã hội trên địa bàn.

Đây vụ án có tính đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bởi trước khi cất giấu, tàng trữ ma túy sử dụng, các bị cáo không bàn bạc phân vai trò cụ thể cho từng người nên vụ án không có tổ chức. Bị cáo L có vai trò chính bởi bị cáo là người trực tiếp khởi xướng và sử dụng xe mô tô của gia đình chở bị cáo T cùng đi tìm mua ma túy và cất giấu ma tuý, bị cáo T là người thực hành tích cực và người bỏ tiền nhiều hơn để mua ma túy cất giấu, tàng trữ ma túy để sử dụng. Như vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Do đó các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau đối với T bộ của tổng khối lượng số ma túy của các bị cáo bị thu giữ và hành vi của mình.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều sinh ra và lớn lên trong gia đình nông dân thuần túy, được bố mẹ nuôi dưỡng đều đã đủ tuổi trưởng thành. Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn rất trẻ, khỏe, lẽ ra phải biết tu chí làm ăn lương thiện, sống tuân thủ pháp luật, rèn L bản thân không sa vào tệ nạn xã hội mới phải, nhưng các bị cáo không làm được như vậy. Các bị cáo do bản thân đua đòi bạn bè, bất chấp pháp luật cố tình mua hai chất ma túy tàng trữ trái phép để sử dụng. Do vậy cần phải xử lý thật nghiêm khắc đối với các bị cáo để răn đe phòng ngừa chung đối với T xã hội, khi ma túy vẫn đang là nguyên nhân đe dọa sự ổn định về cuộc sống cũng như về tài sản của mọi người.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi mà mình đã gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Như vậy đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là phù hợp cần được xem xét chấp nhận. Vậy khi quyết định hình phạt HĐXX cần xét, trong cuộc sống việc tuân thủ pháp luật, nhân thân, khối lượng ma túy, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa để áp dụng một hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ các bị cáo đã gây ra. Do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm ổn định, thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp và làm thuê. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 0,35 gam Methamphetamine và 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định; 03 mảnh giấy bạc màu trắng là vật Nhà nước cấm tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng và vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80, kèm 01 chìa khóa xe, xe cũ đã qua sử dụng. Bị cáo L dùng làm phương tiện phạm tội: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của

Bộ luật tố tụng hình sự thì phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của bị cáo L và vợ của bị cáo là chị Mòng Thị Thởi thể hiện, chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng bị cáo L mua để làm phương tiện đi lại trong gia đình, khi bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội chị Thởi không biết. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 33, khoản 4 Điều 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 213 Bộ luật dân sự khẳng định, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80 là tài sản chung hợp nhất, chị Thởi và bị cáo L có quyền, nghĩa vụ ngang nhau, chị Thởi không có lỗi trong việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do đó, cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô sung ngân sách Nhà nước, còn 1/2 giá trị chiếc xe được trả lại cho chị Mòng Thị Thởi sở hữu là phù hợp. Đối với 01 chiếc chìa khóa xe mô tô cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mòng Thị Thởi trình bày, bị cáo L và chị là vợ chồng, chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là xe của vợ chồng chị, việc bị cáo L sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội chị không biết, nên không có cơ sở xử lý đối với chị Thởi, chị Thởi đề nghị xin lại chiếc xe mô tô đó, ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị của chị Thởi là có cơ sở, nhưng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho các bị cáo, do các bị cáo không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở điều tra làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, do đó căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tuyên bố: Các bị cáo Quàng Văn L. Quàng Văn T phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Quàng Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 08/10/2025.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 08/10/2025.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 33, khoản 4 Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ Luật dân sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,35 gam Methamphetamine và 0,37 gam Heroine; 03 mảnh giấy bạc màu trắng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80, xe cũ đã qua sử dụng.

Trả lại 1/2 giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, số khung: RLCUG0610JY668979, số máy: G3D4E696514, mang biển kiểm soát 27B1 -758.80, xe cũ đã qua sử dụng cho chị Mòng Thị Thởi – Sinh ngày 30/12/1993. Nơi cư trú: Bản K, xã M P, tỉnh Điện Biên.

Tiếp tục tạm giữ 01 chiếc chìa khóa xe mô tô để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng trên đã được niêm phong và bàn giao theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Điện Biên vào ngày 23/01/2026.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14, buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/02/2026. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/02/2026.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2 - Điện Biên;
- Phân trại tạm giam Mường Thanh;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh